

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề án “Xã hội hoá điện chiếu sáng hẻm, kiệt và các tuyến đường thôn, xóm thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
Căn cứ Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ về ban hành quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;
Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
Căn cứ Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 09/3/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ khoản đóng góp của nhân dân;
Căn cứ quyết định 1120/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị, về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của HĐND thị xã về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn thị xã giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn phân cấp thị xã cân đối);
Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../12/2022 của UBND thị xã về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Đề án Xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt và các tuyến đường thôn, xóm thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã Quảng Trị và các ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND thị xã tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề án “Xã hội hoá đề án điện chiếu sáng hẻm, kiệt và các tuyến đường thôn, xóm thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026” như sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện từ năm 2023 sang năm 2025-2026 đối với 16 tuyến hẻm, kiệt, đường thôn xóm với chiều dài 3.540m đã được đưa vào Đề án.

2. Bổ sung vào Đề án 36 tuyến hẻm, kiệt, đường thôn xóm với chiều dài 7,58km để thực hiện. Tổng nguồn vốn thực hiện là: 2.531.167.000đ (Hai tỷ năm trăm ba mươi một triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Trong đó:

- Nhân dân đóng góp: 497.240.000đồng
- Nhà nước hỗ trợ: 2.033.927.000đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, các Ban Hội đồng nhân dân thị xã, tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết/
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các đoàn thể thị xã phối hợp giám sát và tuyên truyền vận động thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Khoá VI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày/12/2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTV Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- UBNDTTQVN thị xã;
- Các đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thị xã;
- HĐND-UBND các phường, xã;
- Trang thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH

Văn Ngọc Lâm



DANH SÁCH CÁC TUYẾN HẸM, KIỆT, THÔN XÓM BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/12/2022 của HĐND thị xã Quảng Trị)

TT	Tên hẻm, kiệt, đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài tuyến (m)	Số hộ	Số cột cần lắp đặt	Số bóng	Ghi chú
I	Phường 1			1.240	98	15	27	
1	Kiệt 16 Lê Lợi (KP3)	Đường Lê Lợi	Nhà ông Tú	40	5	1	1	
2	Kiệt 250 Lê Duẩn (KP3)	Lê Duẩn	Nhà ông Long	200	14	0	3	
3	Kiệt 07 Nguyễn Hoàng (KP1)	Nguyễn Vinh	Nguyễn Văn Thành	160	25	2	6	
4	Kiệt dọc đường sắt KP2)	Nhà ông Vũ	Nhà ông Nhân	140	12	4	4	
5	Kiệt 33 Nguyễn Hoàng(KP1)	Nhà ông Quế	Nhà bà Nam	50	4	0	1	
6	Kiệt 15 Phan T Chung (KP2)	Phan Thành Chung	Lâm nghiệp Triệu Hải	90	6	1	1	
7	Kiệt 10 Trần Thị Tâm	Trần Thị Tâm	Nhà ông Toàn	50	4	2	1	
8	Đường Nguyễn Hữu Thận	Lê Duẩn	Nhà ông Dũng	420	24	4	9	
9	Kiệt 99 Ngô Thị Nhậm	Ngô Thị Nhậm	Nhà ông Tuấn	90	4	1	1	
II	Phường 2			432	67	5	8	
1	Kiệt 341 Trần Hưng Đạo	Quán Café Tề	Nhà Ông Hòa	110	11	2	2	
	(KP3)	(Trần Hưng Đạo)	cơ khí (Ngô Quyền)					
2	Kiệt 351 - Trần Hưng Đạo	Nhà Oanh - Ánh		100	6	1	2	
	(KP3)							
3	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt	Nhà văn hóa		66		1	1	
	Nhà văn hóa KP5							



4	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt	Nhà văn hóa		66		1	1	
	Nhà văn hóa KP1							
5	Kiệt 220 Trần Hưng Đạo kéo dài	Nhà Bà Hoa		45	30	0	1	
6	Kiệt 170 Trần Hưng Đạo kéo dài	Nhà Ông Tương		45	20	0	1	
III	Phường 3			1.096	52	19	21	
1	Kiệt 165 - Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Phan Châu Trinh	80	7	1	1	
2	Kiệt 172 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ bà Thê	77	5	2	2	
3	Kiệt 113 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ ông Bình	82	3	2	2	
4	Kiệt 24 - Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Đình Chiểu	Hộ bà Thế	30	4	1	1	
5	Kiệt 25 - Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Đình Chiểu	Văn Thị Ty	54	3	1	1	
6	Kiệt 67 - Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	Hộ bà Tịnh	425	8	5	5	
7	Kiệt 54 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ bà Phừ	100	7	2	3	
8	Kiệt 66 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ ông Hòa	30	1	1	1	
9	Kiệt 110 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ ông Võ Nguyên	60	3	1	1	
10	Kiệt 67 - Ngô Thị Nhậm	Ngô Thị Nhậm	Hộ ông Hùng	30	4	1	1	
11	Kiệt 39 - Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Hộ bà Hưng	30	3		1	
12	Kiệt 110 - Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Thạch Hãn	100	4	2	2	
IV	Phường An Đôn			100	5	3	3	
1	Kiệt 71 Lê Duẩn	Đường Lê Duẩn		100	5	3	3	
V	Xã Hải Lệ			1.730	51	36	36	



1	Xóm nhà ông Tuấn	Nhà ô Tuấn	Nhà B Thiện	320	4	8	8	
2	Xóm nhà bà Lãm			80	2	2	2	
3	Xóm nhà văn hóa Tân Mỹ			650	20	13	13	
4	Xóm con Chọ			680	25	13	13	
5	Xóm cây mương kéo dài			200		5	5	
6	Đường từ nhà ông Ất đến nhà ông Hữu			1800		36	45	
7	Đường từ xóm Cây Thị đến Đầu Cồn			300		2	8	
8	Đường Như Lệ, Tân Lệ			680		17	17	
Tổng: 36 tuyến				7.580	273	138	170	



DANH SÁCH CÁC TUYẾN HẸM, KIỆT
ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN TỪ NĂM 2023 SANG CÁC NĂM 2025-2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND thị xã Quảng Trị)

TT	Tên hẻm, kiết, đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài tuyến (m)	Số hộ	Số cột cần lắp đặt	Số bóng	Ghi chú
I	Phường 1			280	27	2	6	
1	Kiệt 34 Nguyễn Hoàng	Ng Hoàng	Nhà ông Xuyền	90	8	0	2	
2	Kiệt 18 Nguyễn Hoàng	Ông Thắng	Ông Hòa	90	9	1	2	
3	Kiệt 43 Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Bà Thuyền	100	10	1	2	
III	Phường 3			740	60	10	16	
1	Kiệt 70 - Phan Châu Trinh	Phan Châu Trinh	Hộ ông Tuấn	80	10		3	khu phố 1
2	Kiệt 70 - Phan Châu Trinh	Phan Châu Trinh	Hộ ông Vinh	70	5		1	khu phố 2
3	Kiệt 31 - Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	Hộ bà Tám	100	11	2	2	khu phố 4
4	Kiệt 44 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ bà Nga	70	8	2	2	khu phố 4
5	Kiệt 10 - Ngô Thị Nhậm	Ngô Thị Nhậm	Hộ ông Đại	50	5	1	1	khu phố 6
6	Kiệt 02 - Ngô Thị Nhậm	Ngô Thị Nhậm	Hộ ông Tâm	40	3	1	1	khu phố 6
7 (chung tuyến)	Kiệt 44 - Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Hồ Xuân Hương	200	10	2	3	khu phố 7
	Kiệt 47 - Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Kiệt 37 - Lê Hồng Phong					khu phố 7
8	Kiệt 66 - Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Hộ ông Dũng	40	2	1	1	khu phố 7
9	Kiệt 12 - Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Bình Khiêm	Hộ ông Kính	50	4	0	1	khu phố 8
10	Kiệt 98 - Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	Hộ bà Hưng	40	2	1	1	khu phố 8

IV	Phường An Đôn			120	4	0	3	
1	Nhà ông Tự đến nhà ông Huỳnh	Nhà ông Tự	Nhà ông Huỳnh	120	4	0	3	
V	Xã Hải Lệ							
1	Đường NO1 thôn Như Lệ	Đường Nguyễn Hoàng	Đường liên thôn Như Lệ- Tân Lệ	1.950	120	43	53	
2	Đường xóm Chợ	Đường Nguyễn Hoàng	Đường NO1	450	30	3	12	
Tổng: 16 tuyến				3.540	241	58	90	

